

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TRONG THỜI GIAN TỚI

Phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới sẽ đối mặt với nhiều rủi ro về kinh tế, xã hội và môi trường với quy mô và tần suất ngày càng lớn. Để đảm bảo thực hiện được mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đòi hỏi phải xây dựng chính sách an sinh xã hội toàn dân, toàn diện, nhằm hỗ trợ người dân đối phó hiệu quả với các rủi ro dẫn đến suy giảm hoặc mất thu nhập, đảm bảo phúc lợi cho người lao động và gia đình cũng như toàn bộ cộng đồng.

Các chính sách ASXH trong thời gian tới phải một bộ phận cấu thành của "Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011-2020". Bảo đảm ASXH vừa là mục tiêu, vừa là công cụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, đảm bảo sự hài hòa giữa các mục tiêu kinh tế và xã hội.

Hệ thống ASXH cần theo các nguyên tắc cơ bản: **toàn dân**, mọi người được quyền bảo đảm an sinh và tiếp cận hệ thống ASXH; **chia sẻ** trên cơ sở gắn bó, đoàn kết, liên kết, tương trợ, bù đắp giữa các cá nhân, các nhóm trong xã hội và nhà nước; **công bằng và bền vững**, gắn trách nhiệm và quyền lợi, giữa đóng góp với hưởng lợi; **tăng cường trách nhiệm các chủ thể**, thúc đẩy các nỗ lực của bản thân người dân, gia đình, cộng đồng trong việc bảo đảm an sinh.

Hệ thống ASXH trong thời gian tới tập trung hỗ trợ người dân, đặc biệt là người nghèo, đối tượng yếu thế quản lý rủi ro tốt hơn thông qua hệ thống các chính sách và chương trình thị trường lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và kiểm soát giảm bất bình đẳng nhằm mục tiêu bảo đảm mức sống tối thiểu, phòng ngừa, giảm thiểu và bù đắp thiệt hại khi gặp rủi ro, suy giảm hoặc mất thu nhập tạm thời hay vĩnh viễn.

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1.1 Bối cảnh trong nước

Thuận lợi: Những thành tựu kinh tế- xã hội to lớn đạt được trong 10 năm qua đã tạo thế và lực mới cho phát triển kinh tế-xã hội nói chung, cũng như tạo nguồn lực để thực hiện chính sách xã hội. Dự báo trong giai đoạn 10 năm tới, kinh

tế tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp, và thuộc nhóm nước có thu nhập trung bình, mức sống chung toàn xã hội tăng khoảng 2,7 đến 2,8 lần so với năm 2010. Viễn cảnh đó đòi hỏi Việt Nam phải đạt được các tiêu chí về phát triển xã hội cùng với hệ thống cơ cấu chi tiêu ngân sách phù hợp với điều kiện kinh tế, từ đó tạo ra tiền đề và cũng là cơ hội để xây dựng, triển khai hệ thống ASXH toàn diện.

Đảng và nhà nước quan tâm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững, do đó bên cạnh quy mô GDP và ngân sách tăng, cơ cấu phân bổ nguồn lực sẽ tập trung nhiều hơn cho chính sách ASXH.

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục trong quá trình chuyển đổi và hướng đến năm 2018, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được hoàn thiện, trở thành nước có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Trên nền tảng đó, một trong các thành tố quan trọng của thể chế kinh tế là hệ thống ASXH cũng được hoàn thiện. Thêm vào đó chủ trương xã hội hoá cho phép huy động thêm nguồn lực để phát triển hệ thống ASXH toàn diện, bền vững.

Cơ cấu lao động, ngành nghề thay đổi theo hướng người lao động dịch chuyển vào khu vực chính thức. Khi tỷ lệ lao động ở khu vực chính thức ngày càng lớn sẽ là điều kiện thuận lợi để thực hiện các chính sách ASXH;

Nền kinh tế thị trường trong quá trình hoàn chỉnh, các thị trường chứng khoán, thị trường tài chính... đang phát triển. Một hệ thống ASXH toàn diện và hiện đại hoạt động theo nguyên tắc của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải được thực hiện trong môi trường các thị trường tài chính phát triển. Những bước phát triển của các thị trường chứng khoán, thị trường vốn tạo cơ hội để thí điểm và phát triển mô hình quản lý quỹ BHXH với vai trò tham gia tích cực hơn của người lao động.

Khó khăn: Cùng với quá trình chuyển đổi nền kinh tế, nhiều vấn đề kinh tế-xã hội bức xúc, mới phát sinh chưa được giải đáp một cách toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Hệ thống chính sách, luật pháp còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp với đòi hỏi của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Mặc dù cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực nhưng tỷ trọng lao động trong khu vực phi chính thức còn lớn, tập trung ở khu vực nông nghiệp nông thôn, tự làm. Phân hoá giàu nghèo có xu hướng gia tăng; tình trạng mất cân đối nguồn lực bảo đảm an sinh giữa các vùng có nguy cơ ngày càng cao. Các vùng nghèo, nguồn lực hạn chế nhưng rủi ro nhiều, đối tượng ASXH lớn.

Tỷ lệ lao động đào tạo nghề còn thấp (23%), chưa bảo đảm cho người lao động tìm việc làm có thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, đô thị hoá đang diễn ra nhanh dẫn đến thay đổi (hoặc mất) sinh kế của nhiều người lao động, đặc biệt là khu vực ven đô thị.

Các nguy cơ và rủi ro xã hội ngày càng có xu hướng tăng; kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng không bền vững; Việt Nam nằm trong khu vực khí hậu khắc nghiệt, thường xảy ra mưa, bão, lũ lụt. Địa hình khó khăn với nhiều sông suối, núi non hiểm trở dễ dẫn đến rủi ro, ảnh hưởng đến sinh kế, thu nhập của người dân. Biến đổi khí hậu sẽ gây ảnh hưởng nặng nề.

Xu hướng già hoá tăng cao (theo ước tính của Ủy ban quốc gia Người cao tuổi thì đến 2020, tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam là 16%).

Ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh còn nặng nề. Số đối tượng là nạn nhân của chiến tranh còn rất lớn; tác động tăng trưởng kinh tế chưa đều giữa các nhóm dân cư dẫn đến một số nhóm người dân ít được hưởng lợi từ tăng trưởng.

Hệ thống DVXH, các chương trình thị trường lao động hạn chế. Trung tâm giới thiệu việc làm còn ít, thiếu hiệu quả. Hơn nữa, tính liên kết, linh hoạt giữa các chế độ, chính sách ASXH còn thấp, việc theo dõi, giám sát đối tượng còn khó khăn.

Cung lao động vẫn có xu hướng tăng nhanh hơn khả năng tạo việc làm khi nền kinh tế không bị suy thoái, do vậy nguy cơ thất nghiệp vẫn gia tăng, đặc biệt là thất nghiệp thanh niên. Thêm vào đó, còn có những yếu tố như xu hướng già hoá dân số.

1.2 Bối cảnh quốc tế

Cơ hội: Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng khách quan, có tác động thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển hệ thống ASXH. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm ASXH được tăng cường. Cộng đồng quốc tế cam kết hỗ trợ

Việt Nam thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ, đồng thời hỗ trợ xây dựng hệ thống an sinh xã hội cho Việt Nam. Các chuẩn mực về ASXH được quốc tế hoá, mức hưởng có xu hướng tăng hơn

Hệ thống quan điểm, nhận thức về ASXH trên thế giới ngày càng được hoàn thiện. Cấu trúc của hệ thống ASXH không chỉ bó hẹp ở BHXH mà còn mở rộng sang trợ giúp xã hội, đặc biệt là các biện pháp, sáng kiến hạn chế nguy cơ mất việc làm, sinh kế của người lao động và thúc đẩy người lao động nhanh chóng tái hoà nhập thị trường lao động.

Thách thức: Rủi ro kinh tế, xã hội có xu hướng ngày càng đa dạng, phức tạp và có diện ảnh hưởng rộng. Tác động tiêu cực của những cú sốc từ bên ngoài khó lường trước được trong bối cảnh nước ta đang hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Kinh nghiệm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro do khủng hoảng kinh tế theo khu vực và toàn cầu, lạm phát, dịch bệnh, cũng như những vấn đề xã hội khác còn hạn chế.

Toàn cầu hóa mang theo nhiều cơ hội cho người lao động nhưng ngược lại hệ thống ASXH đứng trước thách thức do di chuyển việc làm, di chuyển nhân công. Xu hướng cạnh tranh trên thế giới ngày càng quyết liệt, các cộng đồng và đối tượng yếu thế ngày càng trở nên yếu thế, dễ bị tổn thương hơn do hạn chế về khả năng cạnh tranh vào thị trường quốc tế.

2. Dự báo

Tốc độ tăng dân số có xu hướng chững lại và giảm dần, quy mô dân số duy trì ổn định ở mức khoảng 100 triệu dân vào năm 2020. Xu hướng giảm dân tỷ trọng dân số ở khu vực nông thôn, khu vực lao động phi chính thức; lực lượng lao động tăng nhanh, đến năm 2015 cả nước có khoảng 53-54 triệu người thuộc độ tuổi lao động; đến năm 2020 sẽ có khoảng 58 triệu. Trong giai đoạn 2011-2020, tỷ lệ lao động nông thôn tham gia thị trường lao động sẽ tăng lên; lao động trong khu vực chính thức tăng mạnh lên trên 20 triệu người vào năm 2020; cơ cấu lao động sẽ điều chỉnh theo hướng lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp dịch chuyển sang các ngành công nghiệp và dịch vụ, chiếm dưới 50% vào năm 2020.

Thanh niên gia nhập lực lượng lao động là đối tượng quan trọng của chính sách ASXH. Trong giai đoạn từ 2010-2015, bình quân mỗi năm có khoảng 1,45 triệu người gia nhập lực lượng lao động và giai đoạn 2015 - 2020 là 1,32 triệu người.

Sự linh hoạt trong việc chuyển đổi việc làm dẫn đến nhu cầu về dịch vụ xã hội hỗ trợ người lao động tham gia và tái hoà nhập thị trường lao động tăng. Trong giai đoạn 2010-2020, bình quân mỗi năm có khoảng 1 triệu thanh niên có nhu cầu vay vốn học nghề, cao đẳng, đại học; 600 ngàn người thất nghiệp cần được hỗ trợ, tư vấn tìm việc; 200 ngàn người cần được đào tạo lại, thay đổi sinh kế, chuyển đổi việc làm

Đến năm 2015: có 14,71 triệu người lao động tham gia chiếm 28,7% lực lượng lao động, trong đó 13,06 triệu người tham gia BHXH bắt buộc (gồm cả BHXH thất nghiệp) và khoảng 1,66 triệu người tham gia BHXH tự nguyện; 2,6 triệu người hưởng chế độ hưu trí (kể cả số hưởng BHXH dài hạn nghỉ trước 1/10/1995). Đến năm 2020: có 23,46 triệu người lao động tham gia chiếm 43,1% lực lượng lao động, trong đó 19 triệu người tham gia BHXH bắt buộc và khoảng 4,46 triệu người tham gia BHXH tự nguyện. Tổng số đối tượng tham gia BH thất nghiệp vào năm 2015 và 2020 tương ứng là 8,92 triệu và 13,66 triệu.

Trong giai đoạn 2010-2020, số lượng người có công với cách mạng sẽ giảm mạnh đặc biệt là nhóm đối tượng là lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh và thân nhân liệt sỹ. Dự báo số lượng người có công hưởng trợ cấp thường xuyên vào năm 2015 là 1 triệu người và đến 2020 còn khoảng 800 ngàn người.

Với 9 nhóm đối tượng thuộc diện nhận trợ giúp xã hội thường xuyên theo Nghị định 67/2007/NĐ-CP, dự báo đến năm 2015 có khoảng 1,53 triệu người và đến năm 2020 có 1,69 triệu người thuộc diện đối tượng trợ giúp xã hội thường xuyên.

3. Quan điểm phát triển hệ thống ASXH

Trong một nền kinh tế thị trường, phân phối thu nhập và phúc lợi về cơ bản được tiến hành theo năng lực thị trường. Tự thân thị trường không có khả năng giải

quyết bất công xã hội và suy thoái môi sinh. Vì vậy, Nhà nước cần can thiệp để điều hoà các lợi ích, giữ ổn định xã hội, nhằm bảo vệ “an sinh xã hội”, bao gồm nhiều biện pháp khác nhau từ bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm thất nghiệp, các hình thức trợ cấp ưu đãi và cứu trợ xã hội khác. Các biện pháp này đều có một mục đích chung là ổn định đời sống con người trong những tình huống rủi ro (ốm đau, thất nghiệp, mất sức lao động, về già, không thu nhập, không nơi nương tựa); khi con người không tự bảo đảm được cuộc sống của mình và không có chỗ nương tựa nào khác, thì chỗ dựa cuối cùng phải là Nhà nước.

Tuy có chung một mục đích như vậy, song từng biện pháp hoạt động theo những nguyên tắc cơ bản khác nhau. Nếu như bảo hiểm thất nghiệp hoặc bảo hiểm y tế hoạt động về cơ bản theo nguyên tắc bảo hiểm, thì bảo hiểm hưu trí lại hoạt động theo một nguyên tắc đặc biệt (đóng góp theo nguyên tắc bảo hiểm, song phân phối theo nguyên tắc tương trợ, phúc lợi xã hội). Trợ cấp xã hội, ưu đãi người có công và những chính sách cứu trợ xã hội khác lại hoạt động theo nguyên tắc cấp phát từ Ngân sách Nhà nước.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đặt ra nhiệm vụ “Phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đối với người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là trong tình hình kinh tế khó khăn, suy giảm”... “Tiếp tục sửa đổi, hoàn chỉnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, trợ giúp mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế dễ bị tổn thương vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống”; “tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xoá đói, giảm nghèo ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn”.

Nghị Quyết số 15 của Ban chấp hành TW Đảng về “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” cũng yêu cầu “Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù

hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ..”, đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn.

Theo Bộ Lao động, Thương binh, xã hội, việc phát triển hệ thống ASXH trong giai đoạn 2010-2020 cần tuân theo một số quan điểm sau:

Một là, phát triển hệ thống ASXH phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Các chính sách xã hội phải được đặt **ngang tầm** với các chính sách phát triển kinh tế và gắn với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội nhằm phát triển bền vững thực hiện công bằng xã hội, vì con người.

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách ASXH **hoàn chỉnh**, bao phủ toàn bộ người dân; đảm bảo **quyền cơ bản** của người dân không bị sống dưới mức tối thiểu; bền vững với cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Ba là, phát triển hệ thống ASXH có ưu tiên, trọng tâm, trong đó đặc biệt chú ý đến người nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị tác động bởi cải cách kinh tế và xã hội (lao động di cư, người mất đất, bị tác động bởi khủng hoảng...).

Bốn là, nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện ASXH, đồng thời mở rộng sự tham gia của các đối tác xã hội vào việc thực hiện chính sách ASXH; có cơ chế thu hút sự tham gia của các khu vực tư nhân vào cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực ASXH (**xã hội hóa**). Phát huy vai trò và trách nhiệm của các chủ thể, của nhà nước và xã hội dân sự trong việc thực hiện các mục tiêu ASXH .

Năm là, phát triển các chính sách ASXH với nội dung, cách tiếp cận và chuẩn mực mang tính **hội nhập** quốc tế; huy động sự **liên kết, hợp tác** khu vực và quốc tế thực hiện chính sách ASXH đối với người lao động trong bối cảnh di chuyển lao động quốc tế ngày càng mạnh mẽ.

4 Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể

4.1. Mục tiêu tổng quát

Với quan điểm đó, Chính phủ đã đặt ra mục tiêu đến năm 2020 cơ bản hình thành một hệ thống ASXH bao phủ toàn dân nhằm bảo đảm để người dân có việc làm, thu nhập tối thiểu; tham gia BHXH, bảo đảm hỗ trợ những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi thu nhập thấp, người khuyết tật nặng, người nghèo...); bảo đảm cho người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin), góp phần giảm nghèo bền vững, ổn định chính trị và phát triển kinh tế-xã hội.

Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm quyền được tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ASXH cho mọi người dân. Phát triển hệ thống ASXH bền vững theo hướng hiện đại phù hợp với nền kinh tế định hướng XHCN phù hợp và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định an ninh, chính trị, xã hội.

4.2 Các mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Chính sách thị trường lao động phát triển có khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm của đại bộ phận dân cư, có khả năng hỗ trợ kịp thời các đối tượng yếu thế và người lao động tham gia vào thị trường lao động.

Mục tiêu 2: Hệ thống BHXH tiên tiến, hình thức và đối tượng tham gia ngày càng được mở rộng, quỹ BHXH được bảo đảm an toàn và phát triển, mức hưởng không ngừng cải thiện.

Mục tiêu 3: Hệ thống BHYT bao phủ toàn dân, tăng cường khả năng tiếp cận của người nghèo, người yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa đối với các dịch vụ chăm sóc y tế.

Mục tiêu 4: Chính sách ưu đãi người có công ngày càng hoàn thiện có khả năng đáp ứng nhu cầu của người có công.

Mục tiêu 5: Hệ thống trợ giúp xã hội ngày càng được mở rộng, ứng phó kịp thời với các biến cố, rủi ro. Bảo đảm cho mọi người dân khi có thu nhập thấp hơn mức sống tối thiểu đều được hưởng trợ giúp xã hội.

Mục tiêu 6: Thực hiện giảm nghèo bền vững, ngăn chặn gia tăng bất bình đẳng. Kiểm soát được mức độ gia tăng về bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư, giữa các vùng miền.

Mục tiêu 7: Hệ thống dịch vụ xã hội hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận và hưởng lợi các dịch vụ xã hội. Hỗ trợ kịp thời đối tượng yếu thế tiếp cận và hưởng lợi dịch vụ xã hội.

5. Định hướng

5.1. Nhóm chính sách TTLĐ

Nhóm chính sách thị trường LĐ hướng đến tăng cường khả năng tiếp cận của người lao động đến hệ thống dịch vụ xã hội cung cấp các hỗ trợ về dạy nghề, thông tin thị trường lao động và hỗ trợ các điều kiện cần thiết để tạo dựng sinh kế phù hợp trên cơ sở phát huy năng lực của đối tượng. Ưu tiên các nhóm yếu thế gồm thanh niên nghèo chưa tìm được việc làm tử tế, người lao động thất nghiệp, mất sinh kế, người bị hạn chế khả năng lao động.

- Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm theo quyết định số 101/2007/QĐ-TTg cho giai đoạn 2011-2020. Tăng nguồn vốn cho chương trình, cải thiện điều kiện cho vay, tập trung dự án tạo nhiều việc làm mới, tập trung vốn cho khu vực nông thôn.

Bổ sung chính sách nhằm tạo việc làm công đáp ứng nhu cầu tạm thời của người thất nghiệp chưa tìm được việc làm mới và những đối tượng đặc thù tham gia như người có khả năng lao động đang trong quá trình quản lý giáo dục xã hội (đối tượng cai nghiện, phục hồi nhân phẩm). Cung cấp thu nhập tối thiểu đủ đáp ứng nhu cầu cơ bản, duy trì cuộc sống cho người lao động. Bố trí một phần kinh phí cho chương trình việc làm công.

- Ưu tiên thực hiện các chính sách, dự án đào tạo, đào tạo lại, tư vấn và hướng nghiệp, giải quyết việc làm và dịch chuyển lao động... cho các nhóm đối tượng như thanh niên mới gia nhập thị trường lao động, lao động dôi dư, người lao

động mất việc làm và sinh kế (mất đất). Đồng thời đổi mới nội dung đào tạo, tư vấn hướng nghiệp theo hướng gắn với nhu cầu của thị trường và phù hợp với tiềm năng cá nhân;

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho khu vực tư nhân và cá nhân xúc tiến tự tạo việc làm thông qua tín dụng với cơ chế đặc thù. Ưu tiên thực hiện chính sách này đối với các dự án hỗ trợ việc làm cho đối tượng là người yếu thế (người nghèo, người mất đất, người khuyết tật . . .), tuy nhiên cần đổi mới theo hướng linh hoạt về mức vay (có mức vay tối đa theo cơ chế đặc thù và mức vay theo cơ chế thị trường).

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách cho học sinh sinh viên, lao động mới bước vào thị trường lao động vay vốn theo cơ chế đặc thù để người học và gia đình họ giảm được gánh nặng tài chính thúc đẩy khả năng tìm kiếm việc làm.

- Đẩy nhanh tiến trình phát triển hệ thống thông tin, kết nối việc làm, hỗ trợ người lao động tìm được việc làm, giúp người đã có việc làm tìm được công việc tốt hơn.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ chuyển đổi việc làm theo hướng an toàn và linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của nhóm đối tượng (chuyển đổi việc làm tại chỗ, di chuyển lao động).

- Xây dựng thông tin quản lý lao động theo nguyên tắc thống nhất, mang tính hiện đại.

5.2. Nhóm chính sách về bảo hiểm xã hội

Nâng cao tính bền vững và hiệu quả của hệ thống BHXH: thực hiện đa dạng hóa các hình thức bảo hiểm; tăng cường khả năng tiếp cận của các đối tượng đến hệ thống này; nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội, chủ động dự phòng rủi ro.

- Từng bước mở rộng sự tham gia BHXH: tăng cường chế tài đối với khu vực BHXH bắt buộc tham gia; điều chỉnh cơ chế, phương thức vận hành của BHXH tự nguyện với thiết kế linh hoạt cùng các chính sách phù hợp để thu hút mọi người dân tham gia; xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ các đối tượng đặc thù yếu thế và người dân tộc tham gia BHXH tự nguyện.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính của BHXH theo hướng cải thiện tính minh bạch, công bằng, bền vững và linh hoạt đồng thời tăng cường vai trò của các chủ thể trong quá trình tham gia. Xây dựng một lộ trình thích hợp để chuyển từ mô hình tài chính hiện hành (theo nguyên tắc tọa thu tọa chi) sang mô hình tài khoản cá nhân; điều chỉnh các thông số BHXH phù hợp với xu thế về kinh tế, xã hội và dân số (tăng dần tuổi về hưu phù hợp với tuổi thọ ngày càng cao);

- Tăng cường hiệu quả đầu tư của quỹ BHXH để bảo tồn và phát triển quỹ dài hạn; thí điểm việc cho phép tư nhân tham gia cung cấp các dịch vụ BHXH theo một lộ trình phù hợp (tham gia vào đầu tư, cung cấp dịch vụ thu phí BHXH, chi trả chế độ BHXH,...).

- Đa dạng hoá các loại hình bảo hiểm xã hội: Thí điểm chính sách BHXH bổ sung đối với một số nhóm lao động có thu nhập cao, chính sách hỗ trợ người dân yếu thế tham gia bảo hiểm mùa màng, gắn việc tham gia loại hình bảo hiểm mùa màng với chính sách cung cấp tín dụng; khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội, đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ trong việc phát triển các hình thức ASXH tự nguyện ở nông thôn (CDF, quỹ phát triển thôn bản hỗ trợ rủi ro, phòng chống thiên tai, quỹ rủi ro cộng đồng).

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách và tổ chức thực hiện bảo hiểm thất nghiệp, thực hiện tốt việc kết hợp chặt chẽ bảo hiểm thất nghiệp với các chương trình, chính sách liên quan đến lao động như giới thiệu việc làm, đào tạo nghề dựa trên nhu cầu...

- Đổi mới về hệ thống tổ chức quản lý, thực hiện BHXH. Phát triển hệ thống BHXH hiện đại, chuyên nghiệp và phù hợp với quy mô và hình thức tham gia BHXH; tiến tới tách rõ chức năng của hệ thống thu, chi BHXH với chức năng quản lý quỹ, quản lý đầu tư; giữa các loại hình và ngành nghề; mở rộng khả năng tham gia của các tổ chức, đơn vị thuộc các khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

- Thúc đẩy quá trình thực hiện Luật Bảo hiểm Y tế; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Ưu tiên thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, trẻ em, các đối tượng yếu thế và người dân tộc tham gia BHYT. Hạng nhân của chế độ BHYT là ở chỗ, người lao động (nếu không có BHYT riêng) sẽ được

hưởng một chế độ bảo hiểm trong trường hợp ốm đau. Chi phí cần thiết cho chế độ đó được người lao động đóng góp tùy theo mức độ thu nhập (lương hay lương hưu) cá nhân, chứ không căn cứ vào chi phí thực chi có thể dự báo.

5.3. Chính sách ưu đãi người có công

- Xây dựng Luật ưu đãi người có công trên cơ sở thay thế Pháp lệnh ưu đãi người có công hiện hành;

- Tăng cường các hoạt động nâng cao nhận thức, xã hội hóa hoạt động chăm sóc người có công với cách mạng; hỗ trợ các sáng kiến chăm sóc người có công;

- Thực hiện các chế độ ưu đãi về kinh tế, xã hội (y tế, giáo dục đào tạo, đất đai, tín dụng, lao động, việc làm, sản xuất,...) cho hộ gia đình người có công; bảo đảm đời sống cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ Lão thành cách mạng, bố, mẹ liệt sỹ già yếu, cô đơn, con liệt sỹ mồ côi, thương binh, bệnh binh nặng, con liệt sỹ, thương binh đang theo học ở các trường.

Khác với bảo hiểm xã hội, các hoạt động ưu đãi xã hội với những người có công cần được làm ngay, vì chiến tranh càng lùi xa, thì số lượng người được hưởng ưu đãi càng giảm nhanh. Tuy nhiên trong lĩnh vực ưu đãi hoặc trợ cấp xã hội, cần khuyến khích xã hội hoá; khuyến khích lập các quỹ tư nhân vì mục đích từ thiện và tăng cường hiệu quả của cơ chế giám sát việc quản lý các khoản đóng góp vì mục đích nhân đạo. Đây cũng là một lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng. Các khoản ưu đãi và trợ cấp có thể dựa vào mức lương, song phải đảm bảo mức sống tối thiểu cho đối tượng được ưu đãi.

5.4. Nhóm chính sách trợ giúp xã hội

- Tiếp tục hoàn thiện điều kiện và mức trợ giúp xã hội phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội.

- Tiêu chuẩn hoá và đa dạng hoá thành phần tham gia, hoạt động theo cơ chế mở bao gồm việc chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng xã hội bằng ngân sách nhà nước, bằng sự huy động của cộng đồng và sự tự nguyện đóng góp của đối tượng, người thân, người đỡ đầu; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở bảo trợ xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình trợ giúp xã hội đối với người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người già không nơi nương tựa theo hướng phát triển các hình thức chăm sóc thay thế dựa vào cộng đồng; đẩy mạnh hình thức trợ giúp đối tượng theo hướng trực tiếp, nhà nước hỗ trợ phát triển các trung tâm, cơ sở dựa trên nguyên tắc thị trường, nhà nước ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ thực hiện các sáng kiến cộng đồng.

- Phát triển mô hình dự trữ, bảo đảm cứu trợ đột xuất ngay tại địa phương với cơ chế phân cấp, linh hoạt và kịp thời; Thúc đẩy phát triển các định chế tài chính vi mô thực hiện hỗ trợ đột xuất/ngắn hạn trên cơ sở dựa vào cộng đồng.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính và cơ chế huy động nguồn lực. Minh bạch hơn về cơ chế tài chính; nguồn ngân sách phân bổ cho địa phương dựa vào số lượng đối tượng, mức trợ cấp. Đa dạng hóa việc huy động nguồn lực.

Trợ giúp xã hội là thành tố thứ tư, và cũng là lưới đỡ trong hệ thống an toàn xã hội. Lưới đỡ này là chỗ bầu vùi cuối cùng cho những người không còn một thu nhập nào khác (từ lao động, từ hưu trí hay bảo hiểm) để bảo đảm cho mức sống tối thiểu. Tuy nhiên, mức độ trợ giúp xã hội phụ thuộc vào tích lũy trong xã hội. Hơn nữa, mọi khoản trợ giúp chỉ là giúp đỡ để cá nhân tự giúp mình, lương và thu nhập do công việc mang lại phải cao hơn một cách đáng kể so với tiền trợ cấp xã hội. Ngoài ra, ngày càng có nhiều người già không nơi nương tựa, không được nuôi dưỡng trong gia đình. Nhu cầu hình thành các nhà dưỡng lão là tất yếu. Hiện tượng này nay mới bắt đầu, song có thể dự liệu được xu hướng gia tăng của các chi phí công cộng cho các hoạt động mang tính trợ giúp xã hội này.

5.5. Giảm nghèo và kiểm soát bất bình đẳng

- Bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện hướng vào người nghèo.

- Các chính sách, dự án cần hướng đến nâng cao năng lực tự vươn lên của người nghèo. Tăng cường nguồn lực, mở rộng hơn cơ hội cho người lao động nghèo tham gia vào các thị trường như thị trường lao động (với nhiều việc làm, sinh kế được tạo ra nhờ đầu tư, tăng trưởng), thị trường vốn, thị trường khoa học công nghệ, thị trường hàng hóa. Giảm dần sự bao cấp của nhà nước đối với các hộ

nghèo; đối tượng của chương trình giảm nghèo tập trung vào bộ phận người nghèo có khả năng hoạt động tạo thu nhập vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ phát triển cho các địa phương (xã, huyện) khó khăn về hạ tầng kinh tế-xã hội cơ bản (điện, đường, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi,...) nhằm giảm nghèo trên diện rộng, bền vững và giảm bất bình đẳng. Việc đầu tư cho các chương trình phát triển kinh tế-xã hội phải dựa trên tình trạng nghèo, bảo đảm tính công bằng và tương trợ giữa tỉnh, huyện, xã giàu, khá với tỉnh, huyện, xã nghèo, khó khăn.

- Đổi mới phương thức xây dựng các chính sách hỗ trợ giảm nghèo. Thổi chế hóa các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo; giải quyết nghèo đói theo nhóm đối tượng nghèo và mức độ nghèo. Đối với đối tượng nghèo kinh niên, thực hiện chính sách trợ giúp xã hội với mức hỗ trợ để duy trì mức sống tối thiểu. Đối với người nghèo tạm thời (có khả năng lao động) được hỗ trợ thu nhập khi khó khăn (ngắn hạn), hỗ trợ phát triển năng lực hòa nhập thị trường lao động.

- Hoàn thiện quy trình xác định hộ nghèo; ban hành bộ chỉ số theo dõi, giám sát nghèo đói một cách đơn giản, dễ đo lường, khả thi và hướng dẫn quy trình thu thập thông tin, xử lý thông tin.

- Tăng cường sự tham gia và năng lực giám sát của người dân và các đối tác xã hội vào quá trình xác định hộ nghèo, tổ chức thực hiện các chương trình giảm nghèo.

- Phân cấp mạnh cho các địa phương trong việc xây dựng các chương trình giảm nghèo phù hợp với nhu cầu của đối tượng và nguồn lực của địa phương.

5.6. Phát triển dịch vụ xã hội

- Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội bảo đảm khả năng tiếp cận của người dân đến các chương trình, chính sách; đa dạng hoá các hình thức, mô hình dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với mỗi đối tượng xã hội đặc thù; tăng cường hiệu quả quản lý, thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội gắn với phân cấp, trao quyền.

- Phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội chuyên nghiệp.

- Tập trung phát triển hệ thống dịch vụ ở những vùng có tỷ lệ nghèo cao, tiếp tục hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế tiếp cận dịch vụ xã hội.

- Xã hội hoá, thu hút sự tham gia của các đối tác xã hội vào hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội hiện nay.

6. Các giải pháp chính

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp về ASXH (xây dựng Luật lương tối thiểu, Luật việc làm, hoàn thiện Luật BHXH; Luật trợ giúp xã hội, Luật ưu đãi người có công).

- Thiết lập và ban hành hệ thống tiêu chí quản lý và giám sát hoạt động của các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ ASXH.

- Đổi mới cơ chế đầu tư, quản lý quỹ ASXH.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ASXH, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tiến tới thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về ASXH.

- Hiện đại hệ thống thông tin, quản lý hoạt động của cả hệ thống bảo đảm ASXH (mỗi người có một số an sinh).

- Kiện toàn bộ máy và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện của BHXH Việt Nam.

- Xây dựng cơ chế tham gia của các đối tác xã hội vào quá trình tổ chức thực hiện ASXH;

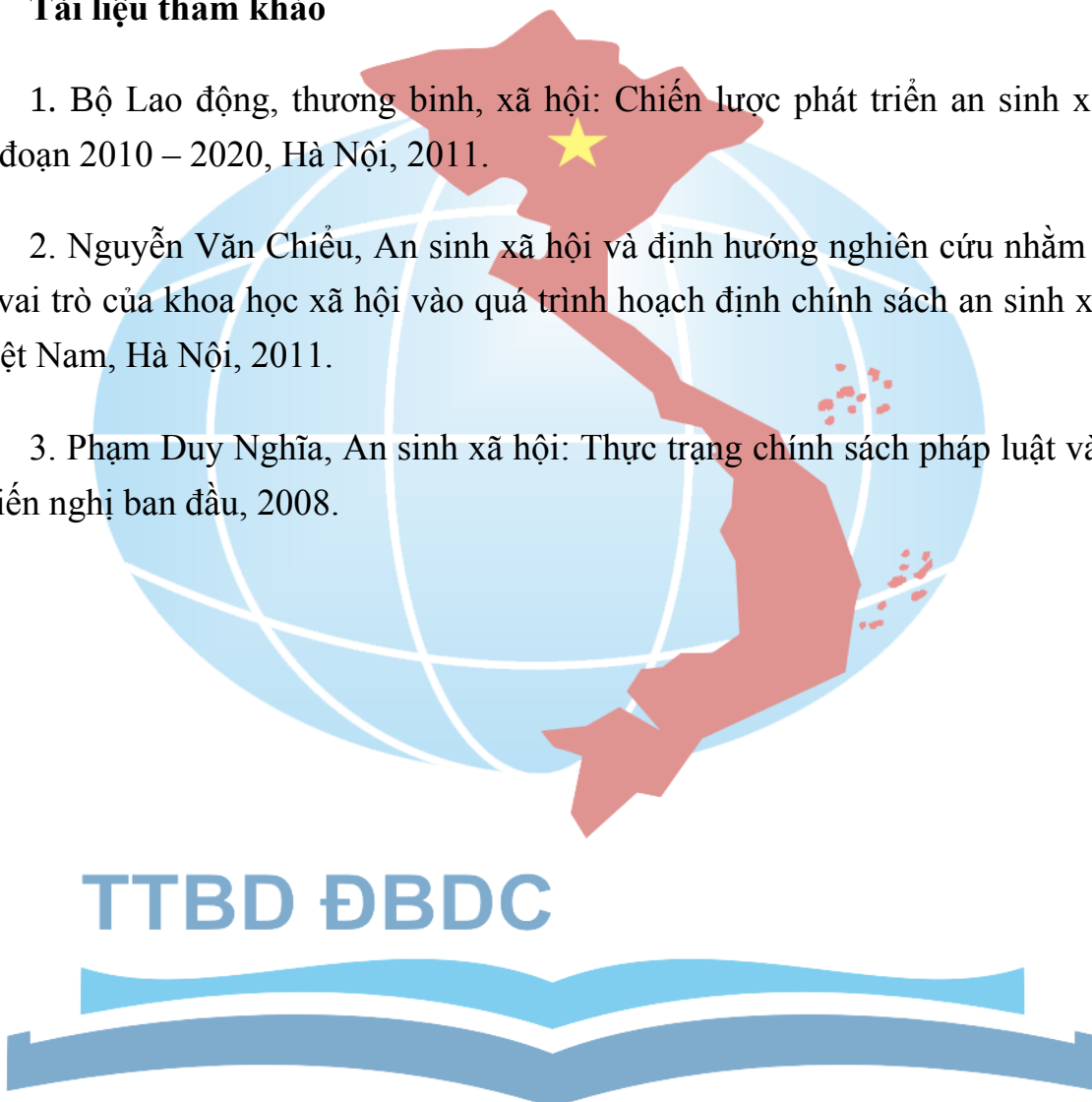
- Xây dựng toà xã hội nhằm thực hiện quyền bảo đảm an sinh của người dân theo Hiến pháp và pháp luật.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro dẫn đến mất sinh kế, nguồn thu nhập, đồng thời phổ biến, giới thiệu các chính sách, chương trình ASXH đang được triển khai.

- Phát triển hệ thống giám sát đánh giá. Hình thành hệ thống chỉ tiêu, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin theo dõi, đánh giá; tổ chức rà soát tình hình thực hiện các mục tiêu chiến lược giữa kỳ và đánh giá tác động vào cuối kỳ.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Lao động, thương binh, xã hội: Chiến lược phát triển an sinh xã hội giai đoạn 2010 – 2020, Hà Nội, 2011.
2. Nguyễn Văn Chiêu, An sinh xã hội và định hướng nghiên cứu nhằm nâng cao vai trò của khoa học xã hội vào quá trình hoạch định chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, Hà Nội, 2011.
3. Phạm Duy Nghĩa, An sinh xã hội: Thực trạng chính sách pháp luật và một số kiến nghị ban đầu, 2008.



TTBD ĐBDC